

CƠ CHẾ HÒA GIẢI

ĐIỀU 1

Mục tiêu

Mục tiêu của Phụ lục này là tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm các giải pháp đồng thuận thông qua một thủ tục toàn diện và nhanh chóng với sự hỗ trợ của một hòa giải viên.

MỤC A

THỦ TỤC HÒA GIẢI

ĐIỀU 2

Yêu cầu cung cấp thông tin

1. Trước khi khởi xướng thủ tục hòa giải, một Bên có thể yêu cầu cung cấp, bất kỳ lúc nào và bằng văn bản, thông tin liên quan đến một biện pháp có tác động bất lợi đến thương mại hoặc đầu tư giữa các Bên. Bên được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ gửi văn bản trả lời cung cấp các ý kiến phản hồi của mình về thông tin được yêu cầu trong vòng 20 ngày.
2. Khi Bên được yêu cầu thấy rằng việc trả lời trong vòng 20 ngày là không khả thi, Bên đó sẽ thông báo cho Bên yêu cầu lý do của việc chậm trễ, cùng với một thời hạn ngắn nhất dự kiến để có thể trả lời.

ĐIỀU 3

Khởi xướng thủ tục hòa giải

1. Một Bên có thể, vào bất kỳ lúc nào, yêu cầu các Bên tham gia vào thủ tục hòa giải. Yêu cầu này sẽ được gửi đến Bên kia bằng văn bản. Yêu cầu phải đủ chi tiết, trình bày rõ quan ngại của Bên yêu cầu và sẽ:
 - (a) chỉ rõ biện pháp cụ thể đang tranh cãi;
 - (b) đưa ra một bản trình bày về các tác động bị cho là bất lợi mà Bên yêu cầu cho rằng biện pháp đó có hoặc có thể có đối với thương mại hoặc tự do hóa đầu tư giữa các Bên; và
 - (c) giải thích Bên yêu cầu cho rằng các tác động đó có mối liên hệ với biện pháp như thế nào.
2. Thủ tục hòa giải chỉ có thể được khởi xướng bằng đồng thuận của các Bên. Bên nhận được yêu cầu theo khoản 1 sẽ xem xét yêu cầu đó trên tinh thần thiện chí và trả lời chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu bằng văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

ĐIỀU 4

Lựa chọn hòa giải viên

1. Khi thủ tục hòa giải bắt đầu, các Bên sẽ nỗ lực để thỏa thuận lựa chọn hòa giải viên không muộn hơn 15 ngày sau ngày nhận được trả lời yêu cầu được quy định tại khoản 2 Điều 3 (Khởi xướng thủ tục hòa giải) của Phụ lục này.
2. Trong trường hợp các Bên không thể thỏa thuận về hòa giải viên trong thời hạn quy định tại khoản 1, một trong hai Bên có thể yêu cầu chủ tịch Ủy ban Thương mại, hoặc người được chủ tịch ủy quyền, lựa chọn hòa giải viên bằng cách bốc thăm từ danh sách được lập theo Điều 15.23 (Danh sách trọng tài viên). Đại diện của các Bên sẽ được mời, với thông báo thích hợp, để có mặt khi bốc thăm. Trong mọi trường hợp, việc bốc thăm sẽ được tiến hành với sự hiện diện của một hoặc các Bên.
3. Chủ tịch Ủy ban Thương mại, hoặc người được chủ tịch ủy quyền, sẽ lựa chọn hòa giải viên trong vòng năm ngày làm việc kể từ ngày một Bên trả lời theo khoản 2.
4. Nếu danh sách quy định tại Điều 15.23 (Danh sách trọng tài viên) chưa được thành lập tại thời điểm gửi yêu cầu theo Điều 3 (Khởi xướng thủ tục hòa giải) của Phụ lục này, hòa giải viên sẽ được lựa chọn bằng bốc thăm từ các cá nhân được đề xuất chính thức bởi một hoặc cả hai Bên.
5. Một hòa giải viên sẽ không phải là công dân của bất kỳ Bên nào, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.
6. Hòa giải viên sẽ hỗ trợ các Bên, theo cách thức minh bạch và công bằng, trong việc làm rõ biện pháp và nguy cơ tác động tới thương mại hoặc tự do hóa đầu tư của biện pháp đó, và nhằm đạt được một giải pháp đồng thuận. Quy tắc ứng xử của trọng tài viên và hòa giải viên quy định tại Phụ lục 15-B (Quy tắc ứng xử của trọng tài viên và hòa giải viên), sẽ áp dụng cho hòa giải viên *với những điều chỉnh phù hợp*. Các Quy tắc 3 đến 7 (Thông báo) và 44 đến 48 (Biên dịch và phiên dịch) của Quy tắc tố tụng trọng tài quy định tại Phụ lục 15-A (Quy tắc tố tụng trọng tài) sẽ áp dụng *với những điều chỉnh phù hợp*.

ĐIỀU 5

Quy tắc thủ tục hòa giải

1. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày chỉ định hòa giải viên, Bên viện dẫn thủ tục hòa giải sẽ trình bày bằng văn bản một mô tả chi tiết về vấn đề tranh chấp cho hòa giải viên và cho Bên kia, cụ thể là việc áp dụng biện pháp đang tranh cãi và các tác động thương mại hoặc tự do hóa đầu tư của nó. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản mô tả này, Bên kia sẽ đưa ra bình luận bằng văn bản đối với bản mô tả vấn đề. Một trong hai Bên có thể gửi kèm trong bản mô tả hoặc bình luận của mình bất kỳ thông tin nào mà Bên đó cho là có liên quan.
2. Hòa giải viên có thể quyết định cách thức thích hợp nhất để làm rõ biện pháp tranh chấp và khả năng tác động đến thương mại hoặc tự do hóa đầu tư giữa các Bên. Cụ thể là, hòa giải viên có thể tổ chức các phiên họp giữa các Bên, tham vấn chung hoặc riêng với các Bên, tìm kiếm hỗ trợ của hoặc tham vấn với các chuyên gia và các bên liên quan và cung cấp bất kỳ hỗ trợ bổ sung nào theo yêu cầu của các Bên. Trước khi tìm kiếm hỗ trợ của

hoặc tham vấn với các chuyên gia và các bên liên quan, hòa giải viên sẽ tham vấn với các Bên.

3. Hòa giải viên có thể đưa ra tư vấn và đề xuất một giải pháp để các Bên xem xét chấp nhận hoặc từ chối giải pháp được đề xuất đó hoặc có thể thỏa thuận về một giải pháp khác. Hòa giải viên sẽ không tư vấn hoặc đưa ra bình luận về sự phù hợp của biện pháp đang tranh chấp với các quy định của Hiệp định này.
4. Thủ tục hòa giải sẽ tiến hành trong lãnh thổ của Bên được yêu cầu hoặc, thông qua đồng thuận, tại bất kỳ địa điểm nào khác hoặc bằng bất kỳ phương thức nào khác.
5. Các Bên sẽ nỗ lực để đạt được một giải pháp đồng thuận trong vòng 60 ngày kể từ ngày chỉ định hòa giải viên. Cho đến khi có được thỏa thuận cuối cùng, các Bên có thể xem xét các giải pháp tạm thời hợp lý, đặc biệt nếu biện pháp đang tranh chấp liên quan đến hàng hóa dễ hỏng.
6. Giải pháp có thể được thông qua bằng quyết định của Ủy ban Thương mại. Một trong hai Bên có thể đưa ra giải pháp phụ thuộc vào việc hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết. Các giải pháp được hai Bên đồng thuận sẽ được công bố công khai. Nội dung công bố công khai có thể không bao gồm thông tin mà một Bên xác định là thông tin mật.
7. Trên cơ sở yêu cầu của các Bên, hòa giải viên sẽ gửi cho các Bên một dự thảo báo cáo về các tình tiết thực tế bằng văn bản, cung cấp một tóm tắt ngắn gọn về:
 - (a) biện pháp đang tranh chấp trong thủ tục hòa giải;
 - (b) các thủ tục tiếp theo; và
 - (c) bất kỳ giải pháp đồng thuận nào đạt được như là kết quả cuối cùng của thủ tục hòa giải, bao gồm các giải pháp tạm thời hợp lý.

Hòa giải viên sẽ cho các Bên 15 ngày để bình luận đối với dự thảo báo cáo về các tình tiết thực tế. Sau khi xem xét các bình luận của các Bên được gửi trong thời hạn trên, hòa giải viên sẽ gửi báo cáo cuối cùng bằng văn bản cho các Bên trong vòng 15 ngày. Báo cáo về các tình tiết thực tế sẽ không bao gồm bất kỳ giải thích nào về Hiệp định này.

8. Thủ tục sẽ bị đình chỉ:
 - (a) bằng việc thông qua một giải pháp được các Bên đồng thuận, vào ngày thông qua giải pháp này;
 - (b) bằng sự đồng thuận của các Bên tại bất kỳ giai đoạn nào của thủ tục hòa giải, vào ngày đạt được sự đồng thuận đó;
 - (c) bằng một tuyên bố bằng văn bản của hòa giải viên, sau khi tham vấn với các Bên, rằng các nỗ lực hòa giải sẽ không đem lại kết quả là vô ích, vào ngày đưa ra tuyên bố; hoặc
 - (d) bằng một tuyên bố bằng văn bản của một Bên sau khi cân nhắc các giải pháp được hai Bên thỏa thuận theo thủ tục hòa giải và sau khi xem xét bất kỳ tư vấn hoặc giải pháp được đề xuất nào của hòa giải viên, vào ngày đưa ra tuyên bố đó.

MỤC B THI HÀNH

ĐIỀU 6

Thi hành giải pháp đồng thuận

1. Khi các Bên đã thỏa thuận được một giải pháp, mỗi Bên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để thi hành giải pháp đồng thuận đó trong thời hạn được thỏa thuận.
2. Bên thi hành sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản về bất kỳ biện pháp hoặc trình tự nào được áp dụng để thi hành giải pháp đã thỏa thuận.

MỤC C

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 7

Bảo mật và mối quan hệ với giải quyết tranh chấp

1. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, và không ảnh hưởng đến khoản 6 Điều 5 (Quy tắc thủ tục hòa giải) của Phụ lục này, tất cả các trình tự của thủ tục hòa giải, bao gồm bất kỳ tư vấn hoặc giải pháp được đề xuất nào, đều được giữ bí mật. Tuy nhiên, bất kỳ Bên nào cũng có thể công bố công khai về việc hòa giải đang được tiến hành.
2. Thủ tục hòa giải không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo Chương 15 (Giải quyết tranh chấp) hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác.
3. Tham vấn theo Chương 15 (Giải quyết tranh chấp) là không bắt buộc trước khi bắt đầu thủ tục hòa giải. Tuy nhiên, một Bên nên tự mình sử dụng các quy định về tham vấn và hợp tác liên quan khác trong Hiệp định này trước khi bắt đầu thủ tục hòa giải.
4. Một Bên sẽ không dựa trên hoặc đưa ra làm chứng cứ trong các thủ tục giải quyết tranh chấp khác theo Hiệp định này hoặc bất kỳ hiệp định nào khác, hoặc một hội đồng trọng tài sẽ không xem xét:
 - (a) quan điểm của Bên kia trong quá trình hòa giải hoặc thông tin thu được theo khoản 2 Điều 5 (Quy tắc thủ tục hòa giải) Phụ lục này;
 - (b) việc Bên kia đã chỉ rõ ý định của Bên đó chấp nhận một giải pháp cho biện pháp tranh chấp theo thủ tục hòa giải; hoặc
 - (c) tư vấn hoặc đề xuất do hòa giải viên đưa ra.
5. Một hòa giải viên không được đảm nhiệm vai trò trọng tài viên hoặc thành viên hội đồng trọng tài trong thủ tục giải quyết tranh chấp theo Hiệp định này hoặc Hiệp định WTO liên quan đến cùng một vấn đề mà người đó đã từng là hòa giải viên.

ĐIỀU 8

Thời hạn

Bất kỳ thời hạn nào quy định trong Phụ lục này có thể được sửa đổi bằng sự đồng thuận giữa các Bên.

ĐIỀU 9

Chi phí

1. Mỗi Bên sẽ tự chịu các chi phí của mình phát sinh từ việc tham gia vào thủ tục hòa giải.
2. Các chi phí phát sinh từ các vấn đề về tổ chức, bao gồm tiền thù lao và các chi phí cho hòa giải viên, sẽ được chia đều cho các Bên. Tiền thù lao của hòa giải viên sẽ phù hợp với mức tiền thù lao của chủ tịch hội đồng trọng tài theo Quy tắc 12 của Quy tắc tố tụng trọng tài quy định tại Phụ lục 15-A (Quy tắc tố tụng trọng tài).